

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 321/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Thanh H, Sinh năm: 1966. Địa chỉ: Số G đường X, tổ F, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.
- Bà Nguyễn Thị H1, Sinh năm: 1970. Địa chỉ: Số G đường X, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 kết hôn với nhau vào năm 1991 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/1990, ngày 18/02/1991). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông H và bà H1 sống tại địa chỉ số G đường X, tổ F, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống năm 2020 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy, ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông H và bà H1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Thị Bảo T, sinh ngày 25 tháng 10 năm

1991 và Phạm Thái V, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1994. Con chung đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Thị Bảo T, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1991 và Phạm Thái V, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1994. Con chung đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001846 ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ
- UBND xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/1990, ngày 18/02/1991)
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Trang